**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tuần 4. Từ ngày 30/9/2024 đến ngày 4/10/2014**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Ngày** | **Môn** | | **Tiết** | **Tên bài dạy** | |
| **Hai** | **Sáng**  **30/9** | Toán | 10 | | Lớn hơn, dấu >. Bé hơn, dấu <. Bằng nhau, dấu = (Tiết 1) |
| Mĩ thuật | 4 | | Bài 2. Màu sắc quanh em (Tiết 2) |
| Tiếng Việt | 37 | | Bài 16. gh (Tiết 1) |
| Tiếng Việt | 38 | | Bài 16. gh (Tiết 2) |
| **Chiều** | Đạo đức | 4 | | Bài 2. Gọn gàng, ngăn nắp (Tiết 2) |
| TNXH | 7 | | An toàn khi ở nhà (Tiết 1) |
| HĐTN | 10 | | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia vui tết Trung thu |
| **Ba** | **Sáng**  **1/10** | Tiếng Việt | | 39 | Bài 17. gi, k (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 40 | Bài 17. gi, k (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 41 | Tập viết: Sau bài 16, 17 | |
| Toán | | 11 | Lớn hơn, dấu >. Bé hơn, dấu <. Bằng nhau, dấu = (Tiết 2) | |
| **Tư** | **Sáng**  **2/10** | Tiếng Việt | | 42 | Bài 18: kh, m (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 43 | Bài 18: kh, m (Tiết 2) | |
| GDTC | | 7 | Ôn ĐHĐN. Học đếm số hàng dọc, hàng ngang “từ 1…hết”. Trò chơi “Ai xác định hướng đúng” | |
| Âm nhạc | | 4 | Chủ đề: Thiên nhiên (Tiết 1) | |
| HĐTN | | 11 | HĐGDTCĐ: An toàn khi vui chơi | |
| **Năm** | **Sáng**  **3/10** | Tiếng Việt | | 44 | Bài 19: n, nh (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 45 | Bài 19: n, nh (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 46 | Tập viết sau bài 18, 19 | |
| Toán | | 12 | Luyện tập | |
| TNXH | | 8 | An toàn khi ở nhà (Tiết 2) | |
| **Sáu** | **Sáng**  **4/10** | Tiếng Việt | | 47 | Bài 20. Kể chuyện Đôi bạn | |
| Tiếng Việt | | 48 | Bài 21. Ôn tập | |
| GDTC | | 8 | Ôn ĐHĐN Trò chơi: “Ai định hướng đúng” | |
| HĐTN | | 12 | SHL: Chia sẻ điều em học được từ chủ đề Trường Tiểu học | |

**Toán – Lớp 1**

**Tên bài học: Lớn hơn, dấu >; bé hơn, dấu <; bằng nhau, dấu = + Tiết 10**

**Thời gian thực hiện: ngày 30 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và  
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.

- Phát triển các NL toán học:NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các thẻ số và thẻ dấu

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)**  - HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh. Chẳng hạn: Bức tranh vẽ 3 bạn nhỏ đang chơi với các quả bóng, bạn thứ nhất tay phải cầm 4 quả bóng xanh, tay trái cầm 1 quả bóng đỏ, ...  **2. Hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **Hoạt động 1. Nhận biết quan hệ lớn hơn, dấu >**  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:  - Quan sát hình vẽ thứ nhất và nhận xét: “Bên trái có 4 quả bóng. Bên phải có 1 quả bóng, số bóng bên trái *nhiều hơn* số bóng bên phải”.  - Nghe GV giới thiệu: “4 quả bóng nhiều hơn 1 quả bỏng”, ta nói: “4 *lớn hơn* 1”, viết 4 > 1. Dấu > đọc là “lớn hơn”.  - Thực hiện tương tự, GV gắn bên trái có 5 quả bóng, bên phải có 3 quả bóng. HS nhận xét: “5 quả bóng nhiều hơn 3 quả bóng”, ta nói: “5 *lớn hơn 3”,* viết 5 > 3  **Hoạt động 2. Nhận biết quan hệ bé hơn, dấu bé <**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ hai và nhận xét: “Bên trái có 2 quả bóng. Bên phải có 5 quả bóng, số bóng bên trái ít hơn số bóng bên phải. 2 quả bóng ít hơn 5 quả bóng”, ta nói: “2 bé hơn 5”, viết 2 < 5. Dấu < đọc là “bé hơn”.  **Hoạt động 3.Nhận biết quan hệ bằng nhau, dấu =**  - GV hướng dần HS quan sát hình vẽ thứ ba và nhận xét: “Bên trái có 3 quả bóng. Bên phải có 3 quả bóng, số bóng bên trái và số bóng bên phải bằng nhau”.  Ta nói: “3 bằng 3”, viết 3 = 3. Dấu “=” đọc là “bằng”.  **3. Luyện tập,thực hành (15 phút)**  **Bài 1**  - HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với số lượng khối lập phương bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “3 khối lập phương nhiều hơn 1 khối lập phương”. Ta có: “3 lớn hơn 1 viết 3 > 1.  **4. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Trò chơi Ai nhanh Ai đúng?  - Về xem tiếp phần còn lại của bài học.  - Nhận xét, tuyên dương | - HS nhận xét về số quả bóng ở tay phải và số quả bóng ở tay trái của mỗi bạn.  - HS lấy thẻ dấu > trong bộ đồ dùng, gài vào thanh gài 4 > 1, đọc “4 lớn hơn 1”  - HS lấy thẻ dấu < trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài 2 < 5, đọc “2 *bé hơn* 5”.  - HS lấy thẻ dấu = trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài 3 = 3, đọc “3 bằng 3”.  -HS quan sát và thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở theo thứ tự: 2 < 5; 4 = 4; 4 > 3. Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**CHỦ ĐỀ 2: MÀU SẮC VÀ CHẤM**

**Tên bài học: BÀI 2: MÀU SẮC QUANH EM ( tiết 2)** **Số** t**iết: 4**

**Thời gian thực hiện: Ngày 30 tháng 9 năm 2023**

**1. Yêu cầu cần đạt**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển ở HS nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực…., thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thiên nhiên, yêu thích nét đẹp của màu sắc.

- Biết chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập, tham gia các hoạt động nhóm.Trung thực trong nhận xét, chia sẻ, thảo luận.

- Không tự tiện sử dụng màu sắc, họa phẩm, …của bạn.

- Biết giữ vệ sinh lớp học, ý thức bảo quản đồ dùng học tập, trân trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của mình, của mọi người.

b. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

\**Năng lực mĩ thuật*

- Nhận biết và gọi tên được một số màu sắc quen thuộc; biết cách sử dụng một số loại màu thông dụng; bước đầu biết được sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Sử dụng màu sắc ở mức độ đơn giản. Tạo được sản phẩm với màu sắc theo ý thích.

- Phân biệt được một số loại màu vẽ và cách sử dụng. Bước đầu chia sẻ được cảm nhận về màu sắc ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật và liên hệ cuộc sống.

\*N*ăng lực chung*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự giác thự hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, nhận sự khác nhau của màu sắc.

\**Năng lực đặc thù khác*

- Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ diễn tả về màu sắc theo cảm nhận.

- Năng lực khoa học: biết được trong tự nhiên và cuộc sống có nhiều màu sắc khác nhau.

- Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các kĩ năng thao tác, sử dụng công cụ bằng tay như sử dụng kéo, hoạt động vận động.

**2. Đồ dùng dạy học**

a. Học sinh:

*-* SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1;

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Các sản phẩm khác nhau có màu sắc phong phú.

b. Giáo viên**:**

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Minh họa giới thiệu cách sử dụng một số loại màu vẽ thông dụng.

- Phương tiện, họa phẩm chủ yếu là màu vẽ, giấy màu và đất nặn nhiều màu.

- Chuẩn bị tốt các nội dụng về màu sắc và ý nghĩa của nó.

- Một số bức tranh rõ màu chủ đạo, màu sắc khác nhau.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)**  - Gợi mở HS giới thiệu nội dung tiết 1 của bài học  - Giới thiệu nội dung tiết học.  **2. Luyện tập, vận dụng(30 phút)**  **Hoạt động 1: vận dụng**  Yêu cầu HS quan sát các tranh trang 13 SGK .  - Cho HS trả lời một số câu hỏi:  + Em nhìn thấy gì trong tranh?  + Các màu sắc có trên tín hiệu đèn?  + Lần lượt các hình người bên dưới đang làm gì?  + Em hãy tìm các hình ảnh bên dưới phù hợp với tín hiệu đèn giao thông?  + Khi tín hiệu đèn giao thông có màu đỏ, chúng ta phải làm gì?  + Khi tín hiệu đèn giao thông có màu vàng, chúng ta phải làm gì?  + Khi tín hiệu đèn giao thông có màu xanh, chúng ta phải làm gì?  - GV chốt lại:  + Màu sắc để làm đẹp hơn cho cuộc sống.  + Liên hệ màu sắc để nhận biết tín hiệu giao thông.  **Hoạt động 2: Tổng kết bài học.**  - GV chốt lại:  + Màu sắc có ở xung quanh ta.  + Một số loại màu vẽ thông dụng.  + Những đồ dùng vẽ màu, vật liệu môn mĩ thuật có màu. Tên gọi một số màu sắc quen thuộc.  + Những ý nghĩa cơ bản ban đầu của màu sắc trong môn Mĩ thuật và trong cuộc sống.  - Gợi mở: Em nào có thể sử dụng tiếng Anh để nói tên một số màu?  - Cho HS chơi trò chơi đèn giao thông. Gợi ý:  + Đèn giao thông có mấy màu?  + Màu nào các phương tiện được di chuyển? Màu nào các phương tiện giao thông phải dừng lại?  + Chơi trò chơi, ai làm sai sẽ bị phạt múa bài Một con vịt.  **3. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  – Tóm tắt nội dung chính của bài học  – Nhận xét kết quả học tập  – Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo: xem trước bài 3 SGK, chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu theo yêu cầu ở mục chuẩn bị trong Bài 3, trang 14 SGK. | - HS quan sát.  - HS vận dụng hiểu biết suy đoán, trả lời. HS khác nhận xét bổ sung.  -HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS kể ra  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe |

**4. Điểu chỉnh sau bài dạy:**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: gh – Tiết 37 + 38**

**Thời gian thực hiện: ngày 30 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Nhận biết âm và chữ gh; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có gh.
* Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có g, gh.
* Nắm được quy tắc chính tả: **gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...**
* Đọc đúng bài Tập đọc *Ghế.*
* Viết đúng các chữ *gh,* tiếng *ghế gỗ;* chữ số: *6, 7* (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh ảnh minh họa nội dung bài tập, sách giáo khoa, bộ chữ .

b. Học sinh: VBT Tiếng Việt 1, bảng con, SGK, bộ chữ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động (5 phút)**  - GV giới thiệu bài  - GV chỉ chữ gh, phát âm: gh  - GV lưu ý: Ở đây, âm gờ được ghi bằng chữ gờ ghép  **2. Hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **Chia sẻ và khám phá (BT1. Làm quen)**  - GV chỉ hình ghế gỗ, hỏi: Đây là cái gì?  **-** GV:Trong từ ghế gỗ**,** tiếng nào có chữ gờ kép (Tiếng ghế).  - GV chỉ: **ghế.**  - HS phân tích: Tiếng **ghế** có âm **gờ** đứng trước, âm **ê** đứng sau, dấu sắc đặt trên **ê.** Âm **gờ** viết bằng chữ **gờ kép.** Một số HS nhắc lại.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng: **gờ - ê - ghê - sắc - ghế / ghế; // gờ - ô - gô - ngã - gỗ / gỗ.** HS gắn lên bảng cài chữ **gh** mới học.  **3. Luyện tập thực hành** (15 phút)  **3.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có chữ **g?** Tiếng nào có chữ **gh?)**  - GV chỉ từng chữ dưới hình.  - GV giải nghĩa từ: *gà gô* (loại chim rừng, cùng họ gà nhưng nhỏ hơn, đuôi ngắn, sống ở đồi cỏ gần rừng); *ghẹ* (gần giống cua biển, mai màu sáng, có vân hoa, càng dài).  - GV chỉ từng chữ, cả lớp nói: Tiếng **gà** có **“g** đơn”... Tiếng **ghi** có **“gh** kép”...  **\*Quy tắc chính tả** (BT 3: Ghi nhớ)  **-** GVgiới thiệu quy tắc chính tả *g / gh,* giải thích: Cả 2 chữ **g** (gờ *đơn)* và **gh** (gờ *kép)* đều ghi âm **gờ.** Bảng này cho các em biết khi nào âm **gờ** viết là *gờ đơn* (g); khi nào âm **gờ** viết là *gờ kép* (gh).  - GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước các chữ **e, ê, i,** âm **gờ** viết là **gh** kép.  GV chỉ sơ đ*ồ* 2: Khi đứng trước các chữ khác **(a, o, ô, ơ,...),** âm **gờ** viết là **g** đơn.  **3.2.Tập viết** (bảng con) (7’)  a. Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: **gh, ghế gỗ; 6, 7.**  b. GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  - Chữ **gh:** là chữ ghép từ hai chữ cái **g** và **h.** Viết chữ **g** trước (1 nét cong kín, 1 nét khuyết ngược), chữ **h** sau (1 nét khuyết xuôi, 1 nét móc hai đầu)…  - GV cùng HS nhận xét | - HS theo dõi, lắng nghe  - HS đọc lại đề  - HS trả lời: Ghế gỗ  - HS trả lời: Tiếng Ghế  - HS quan sát  - HS phân tích  - HS đọc: *gà gô, ghi, gõ,...*  - HS làm bài trong VBT. / Báo cáo kết quả: HS 1 nói các tiếng có g (gờ đơn): *gà gô, gõ, gỗ, gỡ cá.*  - HS 2 nói các tiếng có gh (gờ kép): *ghi, ghẹ.*  - HS (cá nhân, cả lớp): gờ - e - ghe - nặng - ghẹ / gờ - ê - ghê - sắc - ghế / gờ - i - ghi.  - HS (cá nhân, cả lớp): gờ - **a**- ga - huyền - gà / gờ - **o** - go - ngã - gõ / gờ - **ô -** gô ngã - gỗ / gờ - **ơ** - gơ - ngã - gỡ,...  - Cả lớp nhìn sơ đồ, nhắc lại quy tắc trên: **gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...**    - HS viết: **gh** (2 - 3 lần). Sau đó viết: **ghế gỗ** (2 lần); **6, 7** (2 lần). |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 4) (32 phút)  a. GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc có Hà, ba Hà, bà Hà và bé Lê (em trai Hà). Mồi người trong nhà Hà ngồi một loại ghế khác nhau.  b. GV đọc mẫu; kết hợp chỉ từng hình giới thiệu các loại ghế: *ghế gỗ* (của Hà), *ghế da* (của ba Hà), *ghế đá (ở* bờ hồ).  c. Luyện đọc từ ngữ: **ghế gỗ, ghế da, ghế đá, bờ hồ.**  d. Luyện đọc câu  - GV: Bài có 4 tranh và 4 câu bên tranh.  - Đọc vỡ từng câu) GV chỉ chậm từng tiếng trong câu 1.  - Thi đọc đoạn, bài  g) Tìm hiểu bài đọc  - Hà có ghế gì? - Ba Hà có ghế gì? - Bờ hồ có ghế gì? - Bà bế bé Lê ngồi ghế nào?  **4. Củng cố và nối tiếp:** (3 phút)  - Khi nào viết gh?  - Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS hoàn thành bài tập mở rộng vốn từ ở nhà.  - Nhận xét tiết học | - HS lắng nghe  - Cả lớp đọc thầm; sau đó 1 HS đọc, cả lớp đọc. / Tiếp tục với câu 2, 3, 4.  - (Đọc tiếp nối từng câu) HS (cá nhân, từng cặp) luyện đọc tiếp nối từng câu.  - HS (Làm việc nhóm đôi) Từng cặp HS nhìn SGK, cùng luyện đọc.  - Các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi cặp, tổ đọc lời dưới 2 tranh).  - Các cặp, tổ thi đọc cả bài.  - 1 HS đọc cả bài.  Cả lớp đọc đồng thanh  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Đạo đức – Lớp 1G**

**Tên bài học: Ngăn nắp, gọn gàng (Tiết 2) - Tiết 4**

**Thời gian thực hiện: ngày 30 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được một số biểu hiện của gọn gàng, ngăn nắp trong học tập và sinh hoạt

- Biết ý nghĩa của gọn gàng, ngăn nắp trong học tập, sinh hoạt

- Thực hiện được hành vi gọn gàng, ngăn nắp nơi ở, nơi học

- **Tích hợp GD LTCM, ĐĐ, LS cho HSTH:** Nêu được một số biểu hiện của sinh hoạt nề nếp

- Năng lực: Năng lực tự chủ, tự học; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực giao tiếp và hợp tác

- Phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: tranh minh họa, SGK

b. Học sinh: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động (3 phút)**  - Ổn định  - GV giới thiệu bài học |  |
| **2. Hoạt động luyện tập thực hành (30 phút)**  **Hoạt động 4: Nhận xét hành vi**  **Mục tiêu:** - HS biết nhận biết hành vi gọn gàng, ngăn nắp và chưa gọn gàng, ngăn nắp trong học tập và sinh hoạt  - HS được phát triển năng lực tư duy phê phán  **Cách tiến hành** | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS: Quan sát tranh và nhận xét hành vi theo câu hỏi:  1. Bạn nào sống gọn gàng, ngăn nắp?  2. Bạn nào chưa gọn gàng, ngăn nắp? VÌ sao?  3. Nếu em là bạn trong tranh, em sẽ làm gì?  - GV nêu nội dung các bức tranh dưới hình thức trò chơi: Ai nhanh, ai đúng  Tranh 1: Vân đang tưới cây. Khi nghe bạn gọi đi chơi, Vân vứt luôn bình tưới xuống đường đi và ra ngõ chơi cùng các bạn  Tranh 2: Trong giờ học, Trà gạt giấy vụn xuống sàn lớp học  Tranh 3: Tùng xếp gọn đồ chơi vào hộp trước khi đứng dậy vào ăn cơm cùng bố mẹ  Tranh 4: Ngọc sắp xếp sách vở gọn gàng, ngăn nắp | - HS lắng nghe  - HS tham gia trò chơi |
| **Hoạt động 5: Tự liên hệ**  **Mục tiêu:** - HS tự biết đánh giá việc thực hiện các hành vi gọn gàng, ngăn nắp của bản thân và có ý thức điều chỉnh hành vi sống gọn gàng, ngăn nắp  **\* Tích hợp GD LTCM, ĐĐ, LS cho HSTH:** Nêu được một số biểu hiện của sinh hoạt nề nếp  **Cách tiến hành** | |
| - GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi theo gợi ý sau:  1. Bạn đã làm được những việc gì để nơi ở gọn gàng, ngăn nắp?  2. Bạn cảm thấy như thế nào khi sắp xếp nơi ở, nơi học gọn gàng, ngăn nắp?  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày  - GV nhận xét | - HS thảo luận nhóm đôi  - HS đại diện trả lời  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động vận dụng (5 phút)** |  |
| - GV cho HS thực hành sắp xếp các đồ dùng học tập theo gợi ý  1. Thực hành sắp xếp đồ dùng học tập trên bàn học, trong cặp sách.  2. Thực hành cùng bạn sắp xếp đồ dùng trong tủ của lớp.  3. Thực hành gấp trang phục: áo phông, áo khoác mình đem theo | - HS thực hành |
| **4. Hoạt động nối tiếp – củng cố (5 phút)** |  |
| - GV hỏi: Em rút ra được được điều gì sau bài học này?  - GV kết luận: Em cần gọn gàng, ngăn nắp ở chỗ học, chỗ chơi  - GV đọc lời khuyên trong SGK Đạo đức 1 trang 12  - GV nhận xét tiết học | - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tự nhiên và xã hội – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 3. An toàn khi ở nhà (Tiết 1) – Tiết 7**

**Thời gian thực hiện: ngày tháng năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**a. Năng lực đặc thù**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Xác định được một số nguyên nhân cụ thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

- Chỉ ra được tên đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.

- Nêu được những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách xử lí trong một số tình huống có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Lựa chọn được cách xử tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.

**b. Năng lực chung:**

- Lựa chọn được cách xử lí tình huống khi bản thân bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.

**c. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Tự giác sử dụng đúng cách một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình.

- Trung thực: Ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực.

- Trách nhiệm: Có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi sử dụng các đồ dùng, thiết bị trong nhà.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các hình trong SGK, VBT TN&XH, bộ tranh ảnh đồ dùng trong nhà (3 hoặc 6 bộ); phiếu tìm hiểu đồ dùng trong nhà

b. Học sinh: SGK và VBT TN&XH

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **Một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định: GV cho HS hát bài hát  - Giới thiệu bài: Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Một số đồ dùng trong gia đình như các em đã liệt kế khi sử dụng không cẩn thận , không đúng cách có thể gây đứt tay , chân ; bỏng và điện giật . Bài học hôm nay chúng mình sẽ cùng tìm hiểu thêm về điều đó để đảm bảo an toàn khi ở nhà . | - HS hát  - Lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **Hoạt động 1**. Tìm hiểu nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà  Mục tiêu: - Xác định được một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà  - Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân , cách xử lí trong một số tình huống có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà  **Cách tiến hành** | |
| *Bước 1: Làm việc theo nhóm 4*  - HS quan sát các hình ở trang 20 – 22 (SGK) để trả lời các câu hỏi: + Mọi người trong mỗi hình đang làm gì?  + Việc làm nào có thể gây đứt tay, chân, bỏng, điện giật ?  + Nếu là bạn Hà, bạn An, em sẽ nói gì và làm gì?  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  - GV cho từng nhóm báo cáo kết quả làm việc của mình.  - GV cùng HS nhận xét  \* GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời. | - HS quan sát.  - HS trả lời câu hỏi  - Đại diện một số cặp lên trình bày kết quả trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| **3. Luyện tập, thực hành (15 phút)**  **Mục tiêu:** - Lựa chọn được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị thương.  - Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.  **Cách tiến hành** | |
| **Hoạt động 2. Xử lí tình huống khi bản thân và người khác bị thương**  *Bước 1: Làm việc theo cặp*  - HS làm cầu 2 của Bài 3 ( VBT ) .  - Một HS đặt câu hỏi , HS kia trả lời  - GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi ), gợi ý như sau :  + Bạn hoặc người thân trong gia đình đã từng bị thương ( đứt tay, chân; bỏng, điện giật ) chưa ?  + Theo bạn , tại sao lại xảy ra như vậy ?  - Y/C các thành viên nói cho nhau nghe  *Bước 2: Làm việc theo nhóm 6*  - GV yêu cầu Thảo luận cả nhóm để đưa ra cách xử lý khi em hoặc người nhà bị thương ( đứt tay , chân ; bóng , điện giật - GV theo dõi giúp đỡ học sinh.  *Bước 3: Làm việc cả lớp*  - GV cho HS lên trình bày kết quả làm việc ở bước 1, 2.  - GV cùng HS nhận xét , hoàn thiện cách xử lí của từng nhóm  - GV:“ Nếu bạn hoặc người khác bị thương , hãy báo ngay cho người lớn hoặc gọi điện thoại tới số 115 khi thật cần thiết ” . | - HS giới thiệu với bạn về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở của mình.  - Theo dõi hướng dẫn.  + HS thay nhau hỏi và trả lời  + HS thay nhau hỏi và trả lời.  - HS thảo luận theo nhóm  - 1 số HS lên trình bày trước lớp |
| **4. Củng cố và nối tiếp. (5 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  -Về nhà xem lại bài đã học và chuẩn bị cho tiết hôm sau. | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Lớp 1G**

**Tên bài học: Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia vui tết trung thu – Tiết 11**

**Thời gian thực hiện: ngày 30 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS hiểu được ý nghĩa và những hoạt động của ngày tết Trung thu, có xúc cảm tích cực về ngày tết Trung thu.

\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS:

a.Phẩm chất:

- Nhân ái: HS thêm yêu trường lớp, bạn bè, thầy cô. Thêm yêu thích ngày Tết Trung thu.

b.Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: HS tích cực hợp tác nhóm khi chuẩn bị “Mâm cỗ Trung thu” và làm “Lồng đèn Trung thu”.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS tích cực giải quyết vấn đề khi làm mâm cỗ Trung thu. Sáng tạo khi làm Lồng đèn, trưng bày mâm cỗ.

c.Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: HS được trải nghiệm không khí vui Tết Trung thu, qua đó thêm yêu thích ngày Tết Trung thu.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: HS thể hiện sự sáng tạo trong làm đồ chơi và sự khéo léo trong bày mâm cỗ Trung thu.

**\* Giáo dục địa phương**: **Chủ đề 3: Lễ hội quê em.** GV chọn một lễ hội ở địa phương được tổ chức gần địa bàn trường trú đóng (chọi trâu, thôi cơm).Tổ chức cho HS tìm hiểu về Tết Nguyên đán quê em qua các đoạn phim ngắn hoặc hệ thống hình ảnh giới thiệu về Tết Nguyên đán trên địa bàn Phú Yên hoặc ở địa phương các em sinh sống

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với nhà trường.**

- Trang trí phông: các hình ảnh liên quan đến Tết Trung thu như: Chú Cuội, Chị Hằng, múa lân – sư tử, đèn ông sao, rước đèn,…;

- Số bàn bằng số lớp thi “Bày mâm cỗ Trung thu”. Bàn bày cỗ nên ở xung quanh sân khấu.

- Hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động.

- Đội múa lân, trống (nếu có điều kiện).

- Quà tặng cho HS có hoàn cảnh khó khăn.

**b. Đối với GV.**

- Phân công 2 lớp chuẩn bị văn nghệ - các bài hát, múa về Trung thu (Chiếc đèn ông sao – sáng tác: Phạm Tuyên; Rước đèn tháng tám – sáng tác: Đức Quỳnh); Phân công mỗi lớp khoảng 5 – 7 em tham gia thi “Bày mâm cỗ Trung thu”.

- Danh sách HS có hoàn cảnh khó khăn được nhận quà Trung thu.

- BGK chấm cỗ Trung thu: 7 HS và 1 GV làm thư kí tổng hợp điểm.

- Đội cờ đỏ, sao đỏ chấm điểm kỉ luật hoạt động tập thể các lớp.

**c. Đối với HS.**

- Mỗi HS tự làm hoặc tự chuẩn bị một đồ chơi Trung thu như: đèn ông sao, mặt nạ các con vật, nhân vật yêu thích như thỏ ngọc, cún bông,…

- HS các lớp với sự hỗ trợ của GVCN bày một mâm cỗ Trung thu, phân công HS chuẩn bị các loại quả, bánh kẹo,… khuyến khích HS nêu ý tưởng và lựa chọn cách trình bày.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

**Phần 1. Nghi lễ (5 phút)**

- Lễ chào cờ

- Lớp trực tuần tổng kết HĐ của toàn trường trong tuần vừa qua.

- TPT Đội nhận xét HĐ Đội của nhà trường.

- BGH lên nhận xét HĐ của tuần trường trong tuần qua và nêu nhiệm vụ phương hướng tuần tới.

**Phần 2: Sinh hoạt theo chủ đề “ Tham gia vui Tết Trung thu”(30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động**  - Toàn trường hát tập thể bài hát: chiếc đèn ông sao.  - Người điều khiển nêu ý nghĩa của buổi sinh họat và mục đích của HĐ.  **2. Triển khai sinh hoạt theo chủ đề “ Tham gia vui Tết Trung thu”.**  -Nhà trường triển khai một số nội dung đến ngày tết Trung thu.  - Kể cho HS nghe những câu chuyện hay và ý nghĩa về tết Trung thu.  **Hoạt động 1: TỔ CHỨC HỘI THI BÀY “MÂM CỖ TRUNG THU”.**  **Mục tiêu:**  - Tạo không khí vui vẻ cho HS.  - HS biết sáng tạo trong việc bày “Mâm cỗ Trung thu”.  **\*Triển khai hoạt động:**  **Bước 1: Khai mạc cuộc thi “Bày mâm cỗ Trung thu”.**  **Bước 2: Giới thiệu BGK và tiêu chí hội thi.**  - Giới thiệu BGK chấm thi.  +Tiêu chí cuộc thi gồm 4 tiêu chí:  + Nội dung phong phú.  + Hình thức trình bày hấp dẫn, đẹp mắt.  + Sáng tạo.  + Tiết kiệm.  **Bước 3: Tổ chức cuộc thi “Bày mâm cỗ Trung thu”.**  **-** Khi HS bày cỗ, chuyển sang hoạt động 2.  **Dự kiến sản phẩm:**  - HS bày mâm cỗ đúng hình thức, đẹp mắt.  **Hoạt động 2: VĂN NGHỆ VÀ TẶNG QUÀ CHO HS CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN.**  **Mục tiêu:**  - HS vui vẻ, tích cực tham gia các hoạt động.  - Hiểu và thêm yêu thích ngày Tết Trung thu.  - Có ý thức giúp đỡ các bạn HS có hoàn cảnh khó khăn.  **Triển khai hoạt động:**  **Bước 1.Chương trình văn nghệ.**  - Dẫn chương trình mời đại diện 2 lớp lên biểu diễn văn nghệ.  - Cả trường vỗ tay và hát theo tạo không khí vui vẻ.  - Dẫn chương trình nhận xét tiết mục biểu diễn văn nghệ của các bạn.  **Bước 2: Tặng quà Trung thu cho HS có hoàn cảnh khó khăn.**  - Sau khi kết thúc văn nghệ , GV âm nhạc mở nhạc nền bài hát về Trung thu, HS dẫn chương trình mời các bạn có hoàn cảnh khó khăn lên sân khấu để nhận quà (Chú Cuội bê, Chị Hằng tặng).  **Bước 3: Múa lân, sư tử.**  - Đội múa lân, sư tử biểu diễn (nếu có điều kiện).  **Hoạt động 3:ĐÁNH GIÁ**  **Mục tiêu.**  - HS biết tự đánh giá bản thân và đánh giá bạn bè khi tham gia hoạt động.  **Triển khai hoạt động.**  - Đội trưởng đội cờ đỏ đánh giá phần rước đèn từ trên lớp xuống sân.  - GV phụ trách tuyên dương các lớp rước đèn đẹp, nề nếp; nhắc nhở các lớp chưa nề nếp; dặn dò những việc các em nên làm khi tham gia hội vui Trung thu ở lớp, nơi sinh sống.  **Dự kiến sản phẩm.**  - HS nghe Đội trưởng đội cờ đỏ nhận xét, qua đó tự đánh giá bản thân và sửa đổi.  **\* Giáo dục địa phương**: **Chủ đề 3: Lễ hội quê em.**  GV chọn một lễ hội ở địa phương được tổ chức gần địa bàn trường trú đóng (chọi trâu, thôi cơm).Tổ chức cho HS tìm hiểu về Tết Nguyên đán quê em qua các đoạn phim ngắn hoặc hệ thống hình ảnh giới thiệu về Tết Nguyên đán trên địa bàn Phú Yên hoặc ở địa phương các em sinh sống  **3. Củng cố và nối tiếp. ( 3 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Thực hiện tốt những điều đã học | - HS hát to rõ và đồng thanh.  - HS chú ý lắng nghe và vỗ tay.  - HS lắng nghe.  - HS bày mâm cỗ Trung thu.  - HS chú ý thực hiện.  - HS đại diện lớp lên biểu diễn văn nghệ.  - HS nhận quà  - HS chú ý lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: gi, k – Tiết 39 + 40**

**Thời gian thực hiện: ngày 1 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết âm và chữ cái **gi, k;** đánh vần, đọc đúng tiếng có mô hình âm đầu **gi/k +** âm chính.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **gi (gi),** âm **k (cờ).**

- Nắm được quy tắc chính tả: **k + e, ê, i / c + a, 0, ô, ơ,...**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Bé kể.*

- Biết viết các chữ **gi, k** và các tiếng **giá** (đỗ), **kì** (đà) (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh ảnh minh họa nội dung bài tập, sách giáo khoa, bộ chữ

b. Học sinh: VBT Tiếng Việt, bảng con, sách giáo khoa, bộ chữ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động:**(5 phút)  - GV chỉ tên bài (chữ **gi),** nói: **gi** (phát âm giống **di).**  - GV chỉ tên bài (chữ **k),** nói: **k** (ca)..  - GV giới thiệu chữ K in hoa.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **2.1.Giới thiệu bài:** âm và chữ cái **gi, k.**  **2.2Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  a. Âm **gi,** chữ **gi**  - GV đưa lên bảng lớp hình ảnh và từ **giá đỗ,** hỏi: Đây là gì?  - GV: Giá đỗ là một loại rau làm từ hạt đỗ nảy mầm.  - GV: Trong từ **giá đỗ,** tiếng nào có âm **gi?** (Tiếng **giá).**  - GV chỉ: giá, phân tích tiếng giá  b. Âm **k,** chữ **k:** GV giới thiệu hình ảnh kì đà (một loài thằn lằn cỡ to, sống ở nước, da có vảy, ăn cá); viết: **kì đà.**  **3. Luyện tập thực hành (15 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có chữ **gi?** Tiếng nào có chữ **k?)** (như những bài trước)  - GV chỉ từng từ, cả lớp đọc: **kể, giẻ, kẻ,...**  - GV chỉ từng từ (in đậm), cả lớp: Tiếng **kể** có **k.** Tiếng **giẻ** có **gi...**  \***Quy tắc chính tả** (BT 3: Ghi nhớ)  - GV giới thiệu quy tắc chính tả **c / k:** Cả 2 chữ **c** (cờ) và **k** *(ca)* đều ghi âm **cờ.** Bảng này cho các em biết khi nào âm **cờ** viết là **c;** khi nào âm **cờ** viết là **k.**  - GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước **e, ê, i,** âm **cờ** viết là **k.**  - GV chỉ sơ đồ 2: Khi đứng trước các chữ khác (a,o, ô, ơ,...), âm cờ viết là c. HS (Cá nhân, cả lớp): cờ - a - ca - sắc - cá / cờ - o - co - hỏi - cỏ / cờ - ô - cô / cờ - ơ – cơ - huyền - cờ...  **3.2. Tập viết (bảng con – BT5)**  - Gọi HS đọc các từ trên bảng  - GV vừa viết từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn  - Cho HS viết vào bảng con | - HS (cá nhân, cả lớp): gi.  - HS: ca  - HS quan sát  - Giá đỗ  - HSnhận biết: **gi, a,** dấu sắc; đọc: **giá.** Cả lớp: **giá**  - Phân tích tiếng **giá. / HS** (cá nhân, tổ, cả lớp): **gi - a - gia - sắc - giá / giá đỗ.**  **-** HS nhận biết: Tiếng **kì** có âm **k** (ca). /Phân tích tiếng **kì:** có âm **k** (ca), âm **i** và dấu huyền đứng trên **i. /** Đánh vần, đọc trơn: **ca - i - ki - huyền - kì / kì đà.**  - HS trao đổi nhóm đôi: tìm tiếng có gi, có k; làm bài trong VBT; báo cáo.  HS nói thêm tiếng có gi (gian, giàn, giao, giáo,...); có k (kì, kê, kém, kiên,...).  - HS (cá nhân, cả lớp):ca - e – ke - hỏi - kẻ / ca - ê - kê - hỏi - kể / ca - i – ki - huyền - kì.  - HS (cá nhân, cả lớp) nhìn sơ đồ, nói lại quy tắc chính tả: k + e, ê, i / c + a, o, ô, ơ,...  - HS đọc: gi, k, giá đỗ, kì đà. đà.  - HS theo dõi, quan sát  - HS viết: gi, k (2 lần). Sau đó viết: giá (đỗ), kì (đà). |
| **Tiết 2** | |
| **3.3 Tập đọc (BT 4) (30 phút)**  a. GV chỉ hình ảnh mâm cỗ trong bữa giỗ; hỏi: Mâm cỗ có những món ăn gì? (Mâm cỗ có giò, xôi, gà, giá đỗ, nem, canh, món xào). GV: Các em cùng đọc bài xem bé Lê kể gì về mâm cỗ  b. GV đọc mẫu  c. Luyện đọc từ ngữ (đánh vần, đọc trơn): **bi bô, bé kể, giã giò, giá đỗ.**  d. Luyện đọc câu  - GV: Bài có 6 câu (GV đánh số TT từng câu trên bảng).  - GV chỉ từng câu.  - Chỉ liền 2 câu *(Đó là bé kể: Dì Kế giã giò.),* liền 2 câu *(Bé bi bô: “Dì... giò... ”).*  e. Thi đọc đoạn, bài (theo cặp, tổ). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh. (Chia bài làm 2 đoạn đọc: 3 câu / 3 câu).  \* Cả lớp nhìn SGK, đọc lại 2 trang bài 17.  **4.Củng cố và nối tiếp**: (5 phút)  **-** Gọi HS đọc lại bài đã học**.**Về nhà luyện viết chữ gi,k  - Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS hoàn thành bài tập mở rộng vốn từ ở nhà  - GV nhận xét,tuyên dương. | - HS quan sát  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc  - HS cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp)  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2-3 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  - HS thi đọc  - HS thi đọc  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Sau bài 16, 17 – Tiết 41**

**Thời gian thực hiện: ngày 1 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tô, viết đúng các chữ **gh, gi, k, ghế gỗ, giá đỗ, kì đà -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu,đều nét.

- Tô, viết đúng các chữ số **6, 7.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các chữ mẫu *gh, gi, k*đặt trong khung chữ.

b. Học sinh: Vở luyện viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài đọc  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Hoạt động 1: Luyện tập viết *gh, ghế gỗ, gi, giá đỗ, k, kì đà***  a. HS đọc trên bảng các chữ, tiếng: *gh, ghế gỗ, gi, giá đỗ, k, kì đà.*  b. Tập tô, tập viết: *gh, ghế gỗ*  - 1 HS nhìn bảng, đọc: *gh, ghế gỗ;* nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ *gh:* là chữ ghép từ 2 chữ *g, h.* Viết chữ *g* trước, chữ *h* sau.  + Tiếng *ghế:* viết *gh* (gờ *kép)* trước, *ê* sau, dấu sắc đặt trên *ê.*  + Tiếng *gỗ:* viết *g* trước, *ô* sau, dấu ngã đặt trên *ô.*  - HS tô, viết các chữ, tiếng *gh, ghế gỗ* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  Tập tô, tập viết: *gi, k, giá đỗ, kì đà* (như mục  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ *gi,* ghép từ 2 chữ *g* và *i.* Viết *g* trước, *i* sau (1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét chấm).  + Tiếng *giá:* viết *gi* trước, *a* sau, dấu sắc ở trên *a.* / Tiếng *đỗ:* viết *đ* trước, *ô* sau, dấu ngã ở trên *ô.*  + Chữ *k:* cao 5 li, rộng 2,5 li. Gồm 1 nét khuyết xuôi, 1 nét cong trên, 1 nét thắt và 1 nét móc ngược. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2, viết nét khuyết xuôi (đầu khuyết chạm ĐK 6), dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng, rê bút lên gần ĐK 2 viết tiếp nét cong trên rộng 0,5 li, chỗ cong của nét chạm ĐK 3. Từ điểm kết thúc của nét cong trên ở ĐK 2, viết tiếp nét thắt và nét móc ngược, dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng *kì:* viết *k* trước, *i* sau, dấu huyền ở trên *i*/ Tiếng *đà:* viết *đ* trước, *a* sau, dấu huyền trên *a.*  **Hoạt động 2: Tập tô, tập viết chữ số: 6, 7**  - Số *6:* cao 4 li. Là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trái và cong kín. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 4, viết nét cong trái (từ phải sang trái), đến ĐK 2 thì viết tiếp nét cong kín. Khi chạm vào nét cong thì dừng.  Số 7: cao 4 li; gồm 3 nét: thẳng ngang, thẳng xiên, thẳng ngang (ngắn) cắt giữa nét thẳng xiên. Cách viết: Nét 1: Đặt bút trên ĐK 5 viết nét thẳng ngang (trùng ĐK 5) bằng một  - Nửa chiều cao. Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới, từ phải sang trái) đến ĐK 1. Nét 3: Từ điểm dừng của nét 2, lia bút lên khoảng giữa, viết nét thẳng ngang ngắn trên ĐK 3 (cắt ngang nét 2).  **3. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Nhắc nhở HS về nhà luyện tập  - Tuyên dương những học sinh đã viết xong, khuyến khích những HS chưa hoàn thành | - HS hát  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS tô, viết các chữ, tiếng: *gi, giá đỗ, k, kì đà.*  - HS tô, viết các chữ số: *6, 7* trong vở *Luyện viết 1,* tập một hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**Toán – Lớp 1**

**Tên bài học: Lớn hơn, dấu >; bé hơn, dấu <; bằng nhau, dấu =; Tiết 11**

**Thời gian thực hiện: ngày 1 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và  
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.

- Phát triển các NL toán học:NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các thẻ số và thẻ dấu

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  **2. Hình thành kiến thức mới (25 phút).**  **Hoạt thực hành, luyện tập (tt)**  **Bài 2**  - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, lập tương ứng mỗi chiếc xẻng với một chiếc xô.  - Nhận xét: “Mỗi chiếc xẻng tương ứng với một chiếc xô, thừa ra một chiếc xô. Vậy số xẻng *ít hơn* số xô”. Ta có: “2 *bé hơn* 3”, viết 2 < 3.  - Khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của các em sử dụng các từ ngữ:*nhiều hơn, ít hơn, lớn hơn, bé hơn, bằng nhau.*  **Bài 3**  a) HS tập viết các dấu (>, <, =) vào bảng con.  b) Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở. Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.  **4. Vận dụng trải nghiệm (5 phút)**  **Bài 4**  - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?  **5. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? Kí hiệu toán học nào em cần nắm chắc? Để không nhầm lẫn khi sử dụng các kí hiệu đó em nhắn bạn điều gì?  - Về nhà xem lại bài. Chuẩn bị bài tiếp theo  - Nhận xét. Tuyên dương | - HS hát  - HS quan sát  - HS thực hiện tương tự với các hình vẽ tiếp theo rồi viết kết quả vào vở: 3 >2; 2 = 2.  - Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.  - HS thực hiện  - HS chọn đồ vật có ghi số lớn hơn, rồi chia sẻ với bạn cách làm.  - Tìm các ví dụ xung quanh lớp học, trong gia đình về so sánh số lượng rồi chia sẻ với các bạn |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: kh, m – Tiết 42 + 43**

**Thời gian thực hiện: ngày 2 tháng 10 năm 2024**

**I YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết âm và chữ cái **kh, m;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **kh, m.**

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **kh,** âm **m.**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Đố bé.*

- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **kh, m, khế, me.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh ảnh minh họa nội dung bài tập, sách giáo khoa, bộ chữ

b. Học sinh: *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một, bảng con, sách giáo khoa, bộ chữ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  **-** Giới thiệu bài**:** GV chỉ tên bài: **kh, m,** giới thiệu bài: âm và chữ **kh, m.**  - Thực hiện tuơng tự với **m**  - GV chỉ chữ **kh:** âm **kh** (khờ). GV: **kh** (khờ).**.**  - GV giới thiệu chữ M in hoa.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  \* Âm **kh** và chữ **kh**  - GV chỉ hình quả khế (hoặc vật thật), hỏi: Đây là quả gì?  - GV: Khế có loại ngọt, có loại chua, thường được dùng để làm mứt hoặc nấu canh.  - GV viết bảng **khế.**  - HS phân tích tiếng **khế:** âm **khờ,** âm **ê,** dấu sắc = **khế. /** Đánh vần và đọc trơn: **khờ - ê - khê - sắc - khế / khế.**  \* Âm **m** và chữ **m:** Làm tương tự với âm **m** và tiếng **me** (loại quả thường được dùng để nấu canh hoặc làm mứt). / Đánh vần và đọc trơn: **mờ - e - me / me.**  \* Củng cố: HS: Các em vừa học 2 chữ mới là **kh, m;** 2 tiếng mới là **khế, me.**  **3.Luyện tập thực hành**(17 phút)  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **kh?** Tiếng nào có âm **m?)**  - GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **mẹ** có âm **m,** tiếng **khe** có âm **kh,...**  **3.2**.**Tập viết** (bảng con - BT 4)  - GV vừa viết mẫu từng chữ vừa hướng dẫn  - Chữ **kh:** là chữ ghép từ hai chữ **k** và **h** (đều cao 5 li). Viết **k** trước, **h** sau.  - Chữ m: cao 2 li; gồm 2 nét móc xuôi liền nhau và 1 nét móc 2 đầu.  - Tiếng **khế:** viết **kh** trước, **ê** sau; dấu sắc trên **ê,** không chạm dấu mũ.  - Tiếng **me:** viết **m** trước, **e** sau; chú ý nối nét giữa **m** và **e.**  - GV cùng HS nhận xét | - HS (cá nhân, cả lớp): **kh, m**  - Quả khế.  - HS lắng nghe  - HS phân tích, đánh vần, đọc trơn  - HS gắn lên bảng cài chữ: **kh, m.**  - HS đọc từng chữ dưới hình: *mẹ, mỏ, khe đá,...*  - Từng cặp HS trao đổi, làm bài; 2 HS báo cáo kết quả: HS 1 nói tiếng có âm **kh** *(khe, kho, khỉ).* **HS** 2 nói tiếng có âm **m** *(mẹ, mỏ, mè).*  - Cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học  - HS quan sát  - HS viết: **kh, m** (2 lần). Sau đó viết: **khế, me.** |
| **Tiết 2** | |
| **3.3.Tập đọc (BT 3)(30 phút)**  a. GV chỉ hình minh hoạ bài đọc *Đố bé,* giới thiệu 3 bức tranh tả cảnh trong gia đinh Bi: Bi vừa đi học về, mẹ ở trong bếp đang nấu ăn, ra 1 câu hỏi đố Bi. Bố đang bế em bé cũng ra 1 câu hỏi đố Bi. Các em hãy nghe bài đọc để biết bố mẹ đố Bi điều gì; Bi trả lời các câu đố thế nào.  b. GV chỉ từng hình, đọc mẫu.  c. Luyện đọc từ ngữ: **đố Bi, mẹ có gì, cá kho khế, có bé Li.**  d. Luyện đọc từng lời dưới tranh  - GV: Bài có 3 tranh và lời dưới 3 tranh (GV chỉ cho HS đếm, đánh số TT từng câu).  - GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu *Bi đó à? Dạ.)*  e. Đọc từng lời dưới tranh.  f. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn là lời dưới 2 tranh); thi đọc cả bài.   1. Đọc theo lời nhân vật   - GV chỉ lời của mẹ Bi, Bi, bố Bi.  - GV mời 3 HS giỏi đọc theo vai. GV khen HS nào đọc to, rõ, đúng lời nhân vật, kịp lượt lời.  h. Tìm hiểu bài đọc  Qua bài đọc, em hiểu điều gì? (Gia đình Bi sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Mọi người trong gia đình Bi rất vui tính. Quan hệ giữa bố mẹ và Bi rất thân ái).  **4. Củng cố và nối tiếp**:(5 phút)  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - Dặn hs về nhà học bài và xem trước bài: n,nh  - Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS hoàn thành bài tập mở rộng vốn từ ở nhà.  - Nhận xét tiết học | **-** HS lắng nghe  - HS luyện đọc  - Cho cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - Đọc cá nhân, từng cặp).  - HS thi đọc  - HS thực hiện  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh cả bài.  - Cả lớp đọc lại 2 trang sách vừa học ở bài 18.  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Hoạt động trải nghiệm – Lớp 1**

**Tên bài học: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ: AN TOÀN KHI VUI CHƠI - Số tiết: 11**

**Thời gian thực hiện: Ngày 2 tháng 10 năm2024**

**1. Yêu cầu cần đạt**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Nêu được những việc nên làm và không nên làm khi vui chơi.

- Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc để đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh khi tham gia vui chơi.

- Có kỹ năng tự điều chỉnh hành vi và tự bảo vệ bản thân, thể hiện cách ứng xử phù hợp khi tham gia vui chơi an toàn.

**\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS:**

**a. Phẩm chất:**

**- *Trách nhiệm:*** Tự giác thực hiện nghiêm túc những điều nên làm và không nên làm khi vui chơi.

**b. Năng lực chung:**

- ***Giao tiếp và hợp tác:*** Bước đầu rèn kĩ năng thuyết phục bạn từ bỏ ý định thực hiện những việc không nên làm khi vui chơi.

c. **Năng lực đặc thù:**

- ***Năng lực thích ứng với cuộc sống:***

+ Nêu được những việc nên và không nên làm khi vui chơi.

+ HS có kĩ năng kiên định, từ chối thực hiện những việc không nên làm trong kh chơi.

**\* Giáo dục địa phương**: **Chủ đề 3: Lễ hội quê em.** Tổ chức cho HS tìm hiểu về Tết Nguyên đán quê em qua các đoạn phim ngắn hoặc hệ thống hình ảnh giới thiệu về Tết Nguyên đán trên địa bàn Phú Yên hoặc ở địa phương các em sinh sống Ví dụ : Hằng năm, sau dịp Tết Nguyên Đán, quê hương em có rất nhiều lễ hội. Trong số đó, có lễ hội thổi cơm thi . GV cũng có thể kết hợp giới thiệu thêm các trò chơi dân gian (kéo co, nhảy lò cò,trốn tìm…..) ở địa phương, vẽ tranh, đố vui,…

**2. Đồ dùng dạy học**

**a.Giáo viên**

- Một số vật dụng để HS tham gia trò chơi: 1 quả bóng nhựa để chơi chuyền bóng, 1 chiếc khăn để chơi trò Bịt mắt bắt dê: các bông hoa có dán ảnh hoặc ghi tên những trò chơi an toàn và không an toàn.

- Thẻ mặt cười, mặt mếu.

- Giấy A0, giấy màu, bút vẽ.

- SGK Hoạt động trải nghiệm 1.

- Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 1.

**b. Học sinh**

- SGK Hoạt động trải nghiệm 1

- Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 1.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài: |  |
| Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với quang cảnh và các hoạt động của một ngày An toàn khi vui chơi. | - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức mới. (12 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Nêu được những việc nên làm và không nên làm khi vui chơi.  - Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc để đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh khi tham gia vui chơi.  - Có kỹ năng tự điều chỉnh hành vi và tự bảo vệ bản thân, thể hiện cách ứng xử phù hợp khi tham gia vui chơi an toàn. | |
| **Hoạt động 1. Cùng vui chơi.**  \*Mục tiêu: HS khởi động, tạo tâm thế vào hoạt động, bộc lộ cảm xúc và hành vi khi tham gia các trò chơi.  - HS liên hệ và kể tên những hoạt động vui chơi khi ở trường | |
| \* Cách tiến hành:  - GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS.  - GV cho mỗi nhóm HS tự chọn một trò chơi để cùng nhau tham gia.  - GV cho các nhóm chơi trò chơi mình đã chọn: | - HS chia mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS.  - Mỗi nhóm HS tự chọn một trò chơi để cùng nhau tham gia: trò chơi chuyền bóng, trò chơi bịt mắt bắt dê, trò chơi thả đỉa ba ba.  - HS chơi trò chơi theo nhóm. |
| *Bước 1.* Thảo luận cặp đôi:  - GV cho HS tạo thành các cặp đôi.  - Cho các cặp HS chia sẻ theo các câu hỏi gợi ý:  *+ Bạn vừa tham gia trò chơi nào?*  *+ Khi tham gia trò chơi, bạn cảm thấy như thế nào?*  *+ Theo bạn, nên làm gì và không nên làm gì để đảm bảo an toàn khi tham gia, trò chơi đó?* | - HS tạo thành các cặp đôi theo bàn.  - HS 1 nêu câu hỏi, HS2 trả lời câu hỏi của bạn. Sau đó đổi vai.  + HS trả lời  + HS trả lời theo cảm nhận của bản thân.  + HS trả lời theo quan điểm của mình. |
| *Bước 2.* Làm việc cả lớp:  - GV cho 2 đến 3 cặp HS lên chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét chung và đặt câu hỏi:  *+ Ngoài những trò chơi vừa được tham gia, các em còn tham gia các trò chơi nào khác?*  *+ Những trò chơi nào chúng ta nên chơi ở trường? Vì sao?* | - Đại diện các nhóm lên chia sẻ về cảm xúc của bản thân sau khi tham gia trò chơi.  - Lắng nghe và trả lời câu hỏi.  *+ HS trả lời theo vốn sống của mình.*  *+ HS đưa ra quan điểm cảu mình.* |
| \*GV kết luận:  - Có rất nhiều trò chơi khác nhau, vui chơi giúp chúng ta giải toả căng thẳng, mệt mỏi. Tuỳ từng thời gian và địa điểm mà em nên chọn những trò chơi phù hợp để đảm bảo an toàn. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **3. Luyện tập, thực hành (18 phút)**  **\* Mục tiêu:**  - Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc để đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh khi tham gia vui chơi.  - Có kỹ năng tự điều chỉnh hành vi và tự bảo vệ bản thân, thể hiện cách ứng xử phù hợp khi tham gia vui chơi an toàn. | |
| **Hoạt động 2: Quan sát tranh và chọn  hoặc .** | |
| **\*Mục tiêu:**  - HS nêu được những việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi vui chơi ở trường. | |
| ***\* Cách tiến hành.***  - Cho HS quan sát các hình từ 1 đến 4 trong SGK trang 13 và thảo luận cặp đôi:  *+ Các bạn trong mỗi tranh đang tham gia trò chơi gì?*  *+ Em có đồng tình với các bạn trong tranh không? Vì sao? Chọn mặt cười dưới trò chơi em đồng tình và chọn mặt mếu dưới trò chơi em không đồng tình.*  *+ Chúng ta nên làm gì và không nên làm gì để đảm bảo an toàn khi vui chơi?*  - GV mời một số cặp HS lên trước lớp, chỉ tranh và bày tỏ thái độ của mình với việc làm của các bạn trong tranh.  - GV cùng HS nhận xét  - GV có thể đặt câu hỏi để HS liên hệ thêm về bản thân: *Em đã từng tham gia trò chơi giống bạn chưa? Nếu em có mặt ở đó, em sẽ nói với các bạn điều gì?* | - Làm việc theo nhóm  - HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn  - HS trả lời cá nhân. |
| \* Kết luận:  - Khi ở trường hoặc những nơi công cộng, đông người, em không nên chơi những trò chơi đuổi bắt. Khi tham gia trò chơi, em nên lưu ý: chọn chỗ chơi an toàn, không chơi ở vỉa hè, lòng đường, tránh chạy nhảy quá nhanh có thể gây ngã, bị thương không nên chơi dưới trời nắng to hoặc trời mưa vì có thể bị ốm.  **\* Giáo dục địa phương**: **Chủ đề 3: Lễ hội quê em.** Tổ chức cho HS tìm hiểu về Tết Nguyên đán quê em qua các đoạn phim ngắn hoặc hệ thống hình ảnh giới thiệu về Tết Nguyên đán trên địa bàn Phú Yên hoặc ở địa phương các em sinh sống Ví dụ : Hằng năm, sau dịp Tết Nguyên Đán, quê hương em có rất nhiều lễ hội. Trong số đó, có lễ hội thổi cơm thi . GV cũng có thể kết hợp giới thiệu thêm các trò chơi dân gian (kéo co, nhảy lò cò,trốn tìm…..) ở địa phương, vẽ tranh, đố vui,… | - Lắng nghe, ghi nhớ  - HS chú ý lắng nghe. |
| **Hoạt động 3: Thực hành cam kết “Vui chơi an toàn”** | |
| ***\*Mục tiêu:***  - HS liên hệ bản thân, thực hành làm cam kết lựa chọn và tham gia những trò chơi an toàn. | |
| ***\* Cách tiến hành:***  *Bước 1.*Cá nhân chọn bông hoa vui chơi an toàn:  - GV cho HS quan sát và lựa chọn những bông hoa vui chơi an toàn mà bản thân sẽ thực hiện sau bài học.  *Bước 2.*Cả lớp cùng làm bảng “Cam kết vui chơi an toàn”.  - GV giới thiệu bảng “Cam kết vui chơi an toàn được làm bằng tờ giấy Ao.  - Cho HS lên dán những bông hoa đã chọn.  *Bước 3.*Trưng bày và giới thiệu về bảng “Cam kết vui chơi an toàn”.  - GV mời HS lên thuyết trình về bông hoa vui chơi an toàn của mình.  - GV trưng bày bảng “Cam kết vui chơi an toàn” ở cuối lớp hoặc treo ở tường hoặc bên ngoài hành lang của lớp học. | - Làm việc cá nhân.  - HS quan sát và lựa chọn những bông hoa vui chơi an toàn mà bản thân sẽ thực hiện sau bài học.  - Làm việc cả lớp  - Lắng nghe  - Từng HS dán những bông hoa đã chọn về những việo sẽ làm để vui chơi an toàn lên bảng cam kết.  - Làm việc cả lớp  - Một số HS lên thuyết trình về bông hoa vui chơi an toàn của mình. |
| **4. Củng cố và nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về Vui chơi an toàn. | - Lắng nghe |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy :**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: n, nh – Tiết 44 + 45**

**Thời gian thực hiện: ngày 2 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các âm và chừ **n, nh;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **n, nh.**

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **n,** âm **nh.**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Nhà cô Nhã.*

- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **n, nh, nơ, nho;** chữ số **8, 9.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh ảnh minh họa nội dung bài tập, sách giáo khoa, bộ chữ

b. Học sinh: *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một, bảng con, sách giáo khoa, bộ chữ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  Giới thiệu bài:âm và chữ **n, nh.**  - GV chỉ chữ **n,** nói: **nờ.**  - GV chỉ chữ **nh,** nói: **nhờ**  - GV giới thiệu chữ N in hoa.  **2. Hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  \* Âm **n** và chữ **n:** GV chỉ hình cái nơ: Đây là gì?).  - GV viết **n, ơ = nơ. /** Phân tích tiếng **nơ./** Đánh vần: **nờ - ơ - nơ / nơ.**  \* Âm **nh** và chừ **nh:** Làm tương tự với tiếng **nho.** Đánh vần: **nhờ - o - nho / nho.**  - GV chỉ các âm, từ khoá vừa học, cả lớp: **nờ - ơ - nơ / nơ; nhờ - o - nho / nho.**  **3. Luyện tậpthực hành (17 phút)**  **3.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **n?** Tiếng nào có âm **nh?)**  - (Như những bài trước). GV giải nghĩa từ: *nhị* (loại đàn dân tộc có 2 dây). *Nỏ:* một loại vũ khí cổ dùng để bắn tên.  **3.2. Tập viết** (BT 4)  Cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng, chữ số vừa học.  - GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  - Chữ n: cao 2 li; gồm 1 nét móc xuôi, 1 nét móc 2 đầu.  - Chữ **nh:** là chữ ghép từ hai chữ **n, h.** Viết **n** trước, **h** sau.  - Tiếng **nơ:** viết **n** trước, **ơ** sau; chú ý nối nét **n** và **ơ.**  - Tiếng **nho:** viết **nh** trước, **o** sau; chú ý nối nét **nh** và **o.**  - Số 8: cao 4 li. Gồm 4 nét viết liền: cong trái - cong phải - cong trái - cong phải.  Số 9: cao 4 li. Gồm 2 nét: cong kín và cong phải.  - Cho HS viết vào bảng con | - HS lắng nghe  - Cái nơ  - HS: nờ, phân tích, đánh vần  - HS: nhờ, phân tích, đánh vần  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS viết: n, nh (2 lần). / Viết: nơ, nho./ Viết: 8, 9. |
| **Tiết 2** | |
| **3.3.Tập đọc (BT 3) (30 phút)**  - GV chỉ hình, giới thiệu nhà cô Nhã: Ngôi nhà nhỏ, xinh xắn nằm bên một cái hồ nhỏ.  a. Các em cùng đọc để biết nhà cô Nhã có gì đặc biệt.  b. GV đọc mẫu; giải nghĩa từ: *cá mè* (cá nước ngọt, cùng họ với cá chép, thân dẹt, vảy nhỏ, đầu to); *ba ba* (loài rùa sống ở nước ngọt, có mai, không vảy).  c. Luyện đọc từ ngữ: **cô Nhã, bờ hồ, nhà nho nhỏ, cá mè, ba ba, nho, khế.**  d. Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có mấy câu?  - GV chỉ chậm từng câu.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  e. Thi đọc đoạn, bài. (Chia bài làm 2 đoạn: mồi đoạn 2 câu).  f. Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng ý a, b (2 câu chưa hoàn chỉnh) cho cả lớp đọc.  - HS nhìn hình minh hoạ, nói tiếp để hoàn thành câu.  - GV: Nhà cô Nhã rất đặc biệt. Ngôi nhà nhỏ nằm bên một cái hồ nhỏ. Hồ nhỏ mà có cá mè, ba ba. Nhà nhỏ mà có na, nho, khế.  - Cho HS đọc lại cả bài  **4. Củng cố và nối tiếp**.( 5 phút)  **-** Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS hoàn thành bài tập mở rộng vốn từ ở nhà.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương | - HS lắng nghe  - HS đếm: 4 câu.  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng  - HS đọc  - HS thi đọc  - HS 1 nhìn hình nói tiếp câu a *(Hồ có* **cá mè, ba ba).** HS 2 nhìn hình hoàn thành câu b *(Nhà có* **na, nho, khế).**  - Cả lớp nhìn hình, đọc lại 2 câu văn.  - HS lắng nghe  - Cả lớp đọc lại 2 trang của bài 19; đọc 7 chữ vừa học trong tuần, cuối trang 38.  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Sau bài 18, 19 – Tiết 46**

**Thời gian thực hiện: ngày 3 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tô, viết đúng các chữ **kh, m, n, nh,** các tiếng **khế, me, nơ, nho -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

- Tô, viết đúng các chữ số **8, 9.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các chữ mẫu *kh, m, n, nh* đặt trong khung chữ.

b. Học sinh: Vở Luyện viết 1, tập một

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  **-** Giới thiệu bài:HS tập tô, tập viết các chữ, tiếng vừa học ở bài 18, 19.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Hoạt động 1: Luyện viết âm kh, m, n, nh**  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ *kh:* viết *k* trước, *h* sau.  + Tiếng *khế:* chú ý dấu sắc đặt trên đầu chữ ê; nối nét giữa *kh* và *ê.*  + Chữ *m* cao 2 li; gồm 2 nét móc xuôi liền nhau và 1 nét móc 2 đầu.  Cách viết: Đặt bút giữa ĐK 2 và ĐK 3, viết nét móc xuôi (chạm ĐK 3), dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng của nét 1, rê bút lên gần ĐK 2, viết nét móc xuôi thứ hai có độ rộng hơn nét 1, dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng của nét 2, rê bút lên gần ĐK 2 để viết tiếp nét móc hai đầu (độ rộng bằng nét 2), dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng *me:* viết *m* trước, *e* sau; chú ý nối nét giữa *m* và *e.*  - Cho HS viết vào vở Luyện viết  - GV viết mẫu, hướng dẫn:  + Chữ *n:* cao 2 li; gồm 1 nét móc xuôi, 1 nét móc 2 đầu. Chú ý: Nét 1 của chữ *n* viết như giống nét 1 của chữ *m,* nét 2 của chữ *n* viết như nét 3 của chữ *m.*  + Tiếng *nơ:* chú ý nối nét *n* và *ơ.*  + Chữ *nh:* viết *n* trước, *h* sau.  + Tiếng *nho:* chú ý nối nét *nh* và *o.*  - Cho HS viết vào vở Luyện viết  **Hoạt động 2: Tập tô, tập viết chữ số 8, 9**  - Số *8:* cao 4 li; gồm 4 nét nối liền nhau (cong trái - cong phải - cong trái - cong phải). Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 5 một chút, viết nét cong trái, đến gần ĐK 3 thì chuyển hướng viết nét cong phải. Đến ĐK 1 lại lượn lên viết nét cong trái rồi cong phải cho đến khi chạm vào điểm xuất phát tạo thành 2 vòng khép kín tiếp giáp nhau (trên nhỏ, dưới to).  - Số *9:* cao 4 li; gồm 2 nét: cong kín, cong phải. Cách viết: Nét 1: Đặt bút dưới ĐK 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái); khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng. Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút trở xuống viết nét cong phải, đến ĐK 2 thì dừng.  - Cho HS viết vào vở Luyện viết  **3. Củng cố và nối tiếp ( 2 phút)**  **-** Nhắc nhở HS về nhà luyện tập thêm  - Tuyên dương những học sinh đã hoàn thành bài viết, những e chưa xong về nhà cố gắng hoàn thành. | - HS hát  - HS lắng nghe  - HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng: *kh, khế, m, me, n, nơ, nh, nho.*  - Tập tô, tập viết: *kh, khế, m, me*  - HS theo dõi, quan sát  -Tập tô, tập viết: *n, nơ, nh, nho*  - HS theo dõi, quan sát  - HS tô, viết các chữ *số: 8, 9* trong vở *Luyện viết 1,* tập một; hoàn thành phần *Luyện tập thêm*  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán – Lớp 1G**

**Tên bài học: Luyện tập – Tiết 12**

**Thời gian thực hiện: ngày 3 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 10.

- Phát triển các NL toán học:NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: 2 bộ thẻ số từ 1 đến 5, 1 thẻ số 8 và 2 bộ thẻ các dấu (>, <, =).

b. Học sinh: - Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm. Mỗi nhóm dùng 2 bộ thẻ các số từ 1 đến 5 và 2 bộ thẻ các dấu (>, <, =) để ghép thành các mệnh đề đúng. Chẳng hạn: 1 <5; 4 = 4; 3>2; ...  **2. Hình thành kiến thức mới (20 phút)**  **Hoạt động, luyện tập thực hành**  **Bài 1**  - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phươn g bên trái với bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “5 khối lập phương nhiều hơn 3 khối lập phương”, ta có: “5 lớn hơn 3”, viết 5 > 3.  **Bài 2**  - Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.  **Bài 3.** HS lấy các thẻ số 4, 8, 5. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các the số trên theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé  Có thể thay bằng các thẻ sổ khác hoặc lấy ra 3 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên từ lớn đến bé  **3. Hoạt động vận dụng (10 phút)**  **Bài 4**  - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh  **4. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể so sánh chính xác hai số, em nhắn bạn điều gì?  - Về nhà xem trước bài sau  - Nhận xét, tuyên dương | - Các nhóm kiểm tra chéo kết quả của nhau, nhóm nào lập được nhiều mệnh đề đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.  - HS rút ra nhận xét qua trò chơi: Để so sánh đúng hai số cần lưu ý điều gì?  - HS quan sát  - HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở: 4 < 6; 7 = 7.  - Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.  - HS thực hiện  - Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.  - HS thực hiện  - HS đếm và chỉ ra bạn có ít viên bi nhất, bạn có nhiều viên bi nhất.  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TN&XH – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 3. An toàn khi ở nhà (Tiết 2) – Tiết 8**

**Thời gian thực hiện: ngày 3 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Xác định được một số nguyên nhân cụ thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

- Chỉ ra được tên đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.

- Nêu được những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách xử lí trong một số tình huống có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Lựa chọn được cách xử tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.

**b. Năng lực chung:**

- Lựa chọn được cách xử lí tình huống khi bản thân bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.

**c. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Tự giác sử dụng đúng cách một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình.

- Trung thực: Ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực.

- Trách nhiệm: Có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi sử dụng các đồ dùng, thiết bị trong nhà.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các hình trong SGK, VBT TN&XH, bộ tranh ảnh đồ dùng trong nhà (3 hoặc 6 bộ); phiếu tìm hiểu đồ dùng trong nhà

b. Học sinh: SGK và VBT TN&XH

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 2**  **Những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn** | |
| **1. Khởi động (2 phút)**  - Ổn định: GV cho HS hát bài hát | - Hát |
| **2. Hình thành kiến thức mới( 10 phút)**  **Hoạt động khám phá.**  **Hoạt động 3. Xác định cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà**  *Bước 1:*  - HS quan sát các hình ở trang 23 (SGK ) để trả lời:  + Chi vào hình thể hiện cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà .  + Giải thích tại sao em lại chọn như vậy  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  - GV cho đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả làm việc  - GV cùng HS theo dõi, bổ sung  **3. Luyện tập, thực hành (18 phút).**  **Hoạt động 4. Thảo luận nhóm về những lưu ý khi sử dụng một số độ trong nhà để đảm bảo an toàn an toàn**  *Bước 1: Làm việc theo nhóm (chia lớp thành 3 hoặc 6 nhóm)*  - Nhóm 1, 2: Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà  + Chọn 2-3 đồ dùng trong nhà có thể gây đứt tay và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị đứt tay  + Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn.  - Nhóm 3, 4 : Quansát bộ tranh đồ dùng trong nhà .  + Chọn 2 - 3 đồ dùng trong nhà có thể gây bỏng và giải thích trong trường hợp não khi sử dụng chúng có thể bị bỏng.  + Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn .  - Nhóm 5, 6: Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà.  + Tìm 2 -3 đồ dùng trongnhà có thểgây điện giật và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị điện giật.  + Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn  *Bước 2: Làm việc cả lớp*  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV bình luận và hoàn thiện các câu trả lời .  - GV: Cẩn thận khi sử dụng đồ dùng sắc nhọn như dao, kéo, com - pa, ...; tay ướt không được cắm điện, ...  **Hoạt động 5. Tìm các đồ dùng trong gia đình có thể dẫn đến bị thương, nguy hiểm (đứt tay, chân; bỏng; điện giật)**  - GV phát cho HS phiếu tìm hiểu các đồ dùng trong gia đình mình.  - HD HS sẽ quan sát trong nhà mình và hoàn thành phiếu ( có thể với sự giúp đỡ của người thân ) .  - HS sẽ báo cáo kết quả tìm tòi của mình trong nhóm vàobuổi học sau | - HS quan sát.  - HS thực hiện  - Lần lượt đại diện các nhóm trình bày  - HS nhận xét nhóm bạn  - HS làm việc theo nhóm  - HS trình bày kết quả làm việc  - HS tham gia đánh giá bạn  - HS hoàn thành phiếu BT  - HS báo cáo kết quả |
| **4. Củng cố và nối tiếp. ( 5 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Kể chuyện – Lớp 1G**

**Tên bài học: Đôi bạn – Tiết 47**

**Thời gian thực hiện: ngày 4 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Cuộc sống sẽ rất tốt đẹp nếu mọi người quan tâm đến nhau.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh minh họa câu chuyện

b. Học sinh: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (2 phút)**  - Ổn định  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (28 phút)**  **Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)  **1.1.Quan sát và phỏng đoán:** GV mời HS xem tranh minh hoạ, nói tên các nhân vật trong truyện: sóc đỏ (sóc lông màu đỏ), sóc nâu (sóc lông màu nâu). Sau trận mưa to, sóc nâu đi hái quả tặng bạn. về nhà lại thấy trước cửa có giỏ quả sóc đỏ tặng. Hai bạn gặp lại nhau, ôm nhau thắm thiết.  **1.2.Giới thiệu chuyện:** Các em sẽ nghe câu chuyện *Đôi bạn.* Chuyện kể về sóc nâu và sóc đỏ. Hai bạn rất yêu quý nhau, luôn “chia ngọt sẻ bùi” cho nhau.  **2. Khám phá và luyện tập**  **2.1. Nghe kể chuyện:** GV kể chuyện với giọng diễn cảm: Đoạn 1, 2: giọng kể chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ tả màu sắc của lông sóc, của ánh mặt ười sau mưa. Đoạn 3,4,5: kể chậm (ý nghĩ của sóc nâu, lời 2 chú sóc viết ưong thư). Đoạn 6: vui vẻ.  - GV kể 3 lần: Lần 1 (kể không chỉ tranh). Lần 2 (vừa chỉ từng tranh vừa kể chậm). Kể lần 3 (như lần 2). | - HS hát  - HS quan sát và nêu tên các nhân vật.  - Cả lớp lắng nghe  - Cả lớp lắng nghe |
| **2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh**  a. Mỗi HS trả lời câu hỏi dưới 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi: *Trong rừng có hai bạn rất thân nhau. Đó là ai?*  - GV chỉ tranh 2: *Vào đêm nọ, thời tiết trong rừng thế nào?*  - GV chỉ tranh 3: *Sáng sớm thức dậy, sóc nâu nghĩ gì, làm gì?*  - GV chỉ tranh 4: *Sóc nâu làm gì khi nhặt được một giỏ quả thông?*  - GV chỉ tranh 5: *Sóc nâu thấy gì khỉ trở về nhà?*GV chỉ tranh 6: *Hai bạn gặp lại nhau thế nào?* (Hai bạn sóc vui vẻ ôm nhau, lăn tròn giống như một cuộn len lớn).  b. Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.  c. HS trả lời tất cả các câu hỏi theo 6 tranh.  **2.3. Kể chuyện theo tranh** (không dựa vào câu hỏi)  a. Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.  b. HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi *Ô cửa sổ* hoặc bốc thăm).  c. 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.  - Sau mỗi bước, cả lớp và GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.  - GV cất tranh, 1 HS kể lại câu chuyện (không cần tranh) (YC cao).  **2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - GV: Câu chuyện muốn nói điều gì? (Hai bạn sóc rất yêu quý nhau, luôn chia sẻ những gì có được cho nhaú. / Hai bạn sóc luôn vì nhau, làm việc tốt cho nhau).  - GV: Câu chuyện kể về tình bạn của sóc nâu và sóc đỏ. Hai bạn rất yêu quý nhau, luôn chia sẻ —ngột bùi” cho nhau nên các bạn sống rất vui. Cuộc sống sẽ rất tốt đẹp nếu mọi ngườiluôn quan tâm đến nhau.  - Cả lớp bình chọn HS, nhóm HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện.  **3. Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - Gửi video phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS học ở nhà.  Xem tranh, chuẩn bị cho chuyện *Kiến và bồ câu*  - Dặn HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện về hai chú sóc luôn nghĩ đến nhau, chia sẻ “ngọt bùi” cho nhau.  GV, nhân xét ,biểu dương những HS kể chuyện hay | - Hai bạn rất thân nhau đó là sóc nâu và sóc đỏ.  - Vào đêm nọ, mưa rất to, quả thông rụng nhiều. Sáng ra trời tạnh, mặt trời toả sáng muôn nơi.  - Sáng sớm thức dậy, sóc nâu nghĩ: —Đêm qua mưa to, quả thông chắc rụng nhiều”. Nó liền cầm giỏ đi nhặt quả thông. Nó nhặt được đầy một giỏ quả thông.  - Sóc nâu đến nhà sóc đỏ, để lại một nửa số quả thông và một mẩu giấy ghi lời nhắn: —Quả thông rất tươi ngon. Bạn một nửa, mình một nửa”).  - (Sóc nâu thấy trước cửa một lẵng quả thông và một mẩu giấy của sóc đỏ viết: - Quả thông rất tươi ngon. Bạn một nửa, mình một nửa”).  - HS kể  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS bình chọn  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**GDTC –lớp 1**

**Tên bài học: BÀI 8: ÔN ĐHĐN**

**TRÒ CHƠI “AI XÁC ĐỊNH HƯỚNG ĐÚNG” - Số tíết 8**

**Thời gian thực hiện: ngày 4 tháng 10 năm 2024**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1.Về phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động và có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

**2. Về năng lực**:

**2.1. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện dàn hàng ngang và dồn hàng ngang trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- NL vận động cơ bản: Biết khẩu lệnh và cách thực hiện dàn hàng ngang và dồn hàng ngang.

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được dàn hàng ngang và dồn hàng ngang.

**II. Địa điểm – phương tiện**

**- Địa điểm**: Sân trường

**- Phương tiện:**

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phụ thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Trò chơi “ lộn cầu vồng”  **II. Phần cơ bản:**  **Hoạt động 1**  **\* Kiến thức.**    **\* Luyện tập**  \*Điểm số hàng dọc    **\* Luyện tập**  \* Trò chơi “ai xác định hướng đúng”.  **Hoạt động 2**  \* Tập hợp hàng ngang  tập hợp hàng ngang  \* Dóng hàng  dóng  hàng ngang  \* Điểm số  điểm số  hàng ngang  \***Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Thi đua giữa các tổ  **III.Kết thúc**  \* Thả lỏng cơ toàn thân.  \* Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà  \* Xuống lớp | 5 – 7’  2 x 8 N  16-18’  2 lần  2 lần  2 lần  1 lần  3-5’  4- 5’ | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - Gv HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  Cho HS quan sát tranh  GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  Cho HS quan sát tranh  GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS.  - Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật  Cho HS quan sát tranh  GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. | Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV.  - Đội hình HS quan sát tranh  HS quan sát GV làm mẫu  - Đội hình tập luyện đồng loạt.  ***ĐH tập luyện theo***  - Đội hình HS quan sát tranh  HS quan sát GV làm mẫu  - Đội hình tập luyện đồng loạt.  HS tham gia trò chơi  - Đội hình HS quan sát tranh  HS quan sát GV làm mẫu  - Đội hình tập luyện đồng loạt.  ***ĐH tập luyện theo tổ***  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  HS thực hiện thả lỏng  - ***ĐH kết thúc*** |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy: không**

**HĐTN – Lớp 1G**

**Tên bài học: Sinh hoạt lớp: Chia sẻ điều em học được từ chủ đề “ Trường Tiểu học” – Tiết 12**

**Thời gian thực hiện: ngày 4 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Quan sát và chia sẻ trước lớp về những hoạt động và cảm xúc của bản thân trong ngày tết Trung thu.

- Tự nhận xét và đánh giá bản thân về những điều đã đạt được sau khi tham gia

các hoạt động của chủ đề “Trường tiểu học”

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định  **2. Các bước sinh hoạt: (28 phút)**  ***2.1. Nhận xét trong tuần 4***  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2. Phương hướng tuần 5***  - Thực hiện dạy tuần 5, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Chia sẻ những điều em học được từ chủ đề “Trường Tiểu học”.***  - Giáo viên tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi về những hoạt động và cảm xúckhi tham gia lễ hội tết Trung thu.  - GV cho HS chia sẻ trước lớp về những hoạt động và cảm xúc của HS khi tham gia lễ hội tết Trung thu.  - Tổ chức cho HS tự đánh giá những điều đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề “Trường tiểu học”. Giáo viên có thể đặt ra các câu hỏi:  + Em thích hoạt động nào nhất trong chủ đề này? Tại sao?  + Sau chủ đề này, em đã làm được điều gì?  + Em thích những nơi nào trong trường học?  + Em đã làm gì để giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp?  +Em đã làm gì để vui chơi an toàn?  **3. Củng cố và nối tiếp: (2 phút)**  - Nhận xét tiết học | - HS hát  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Chia cặp theo bàn. Thảo luận  - Lần lượt các cặp lên chia sẻ.  - HS tự đánh giá bản thân.  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**